

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HS - ST
Ngày 10 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI - HOÀ BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Kiều Quang Dự

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Minh Phương và Ông: Bùi Văn Nghiệp

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Mai Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLST - HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2024/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Th;** Sinh năm 1983 tại: Huyện K - Hòa Bình; Nơi cư trú: Ngõ Lệnh C, phường Thổ Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hà Ch, sinh năm 1952 và bà: Hoàng Thị K (Đã chết); Chồng: Trịnh Quốc C, sinh năm 1966 (Đã ly hôn); Có 02 con lớn sinh năm 2003 nhỏ nhất sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 37/HS - ST ngày 17/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy bị cáo đã chấp hành xong bản án được xóa án tích và Bản án số 595/HS - ST ngày 16/12/2010 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy bị cáo đã chấp hành xong bản án, được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2023 đến ngày 02/11/2023 được tại ngoại có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị: Bùi Hồng V, sinh năm 1983 - Có đơn xin vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm D, xã V, huyện T, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền trong việc nhập Gas để bán từ ngày 08/8/2022 đến ngày 22/9/2023 Th đã cho chị Bùi Hồng V vay lãi nặng tổng cộng 14 lần như sau:

Lần 01: Ngày 08/08/2022 đến ngày 08/09/2022 (31 ngày), vay số tiền 30.000.000 đồng, tổng số tiền lãi mà chị V đã trả cho Th là 6.600.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 259%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (BLDS) là: $259\% : 20\% = 12,95$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS năm 2015 là: $30.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 509.589$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất chính là: $6.600.000 - 509.589 = 6.090.411$ đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 18.000.000 đồng.

Lần 02: Ngày 9/9/2022 đến ngày 10/10/2022 (31 ngày), sau khi hai bên tính toán và thỏa thuận cắt khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay thứ 01 và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 02 là 600.000 đồng, lần vay thứ 02 này Th chuyển cho V thêm 11.400.000 đồng và tính tiếp thành khoản vay mới với số tiền gốc 30.000.000 đồng (vay đảo).

Tổng số tiền lãi mà chị V đã trả cho Th trong lần vay thứ 02 là 6.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 235,5%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $235,5\% = 11,77$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS là: $30.000.000 \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 509.589$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất chính là: $6.000.000 - 509.589 = 5.490.411$ đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 18.000.000 đồng

Lần 03: Ngày 10/10/2022 đến ngày 09/11/2022 (30 ngày), sau khi hai bên tính toán và thỏa thuận cắt khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay thứ 02 và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 03 là 600.000 đồng, lần vay thứ 03 này Th chuyển thêm 11.400.000 đồng và tính tiếp thành khoản vay mới với số tiền gốc 30.000.000 đồng (vay đảo).

Tổng số tiền lãi mà chị V đã trả cho Th là 6.600.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 267,7%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $267,7\% = 13,38$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS là: $30.000.000 \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 493.151$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất chính là: $6.600.000 - 493.151 = 6.106.849$ đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 18.000.000 đồng.

Lần 04: Ngày 10/11/2022 đến ngày 10/12 /2022 (30 ngày) sau khi hai bên tính toán và thỏa thuận cắt khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay thứ 03 và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 04, lần vay thứ 04 này Th chuyển cho chị V thêm 11.400.000 đồng và tính thành khoản vay mới với số tiền gốc là 30.000.000 đồng (vay đảo).

Tổng số tiền lãi chị V đã trả cho Th là 6.600.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 267,7%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất

được quy định trong BLDS là: $267,7\% : 20\% = 13,38$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS là: $30.000.000 \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 493.151$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất chính là: $6.600.000 - 493.151 = 6.106.849$ đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 18.600.000 đồng.

Lần 05: Ngày 10/12/2022 đến ngày 11/01/2023 (32 ngày), sau khi hai bên tính toán và thoả thuận cắt khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay thứ tư và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 05 là 600.000 đồng, lần vay thứ 05 này Th chuyển cho chị V thêm 10.800.000 đồng và tính tiếp thành khoản vay mới với số tiền gốc là 30.000.000 đồng (vay đảo).

Tổng số tiền lãi mà chị V đã trả cho Th là 6.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 228,1%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $228,1\% : 20\% = 11,4$ lần. Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS là: $30.000.000 \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 32 \text{ ngày} = 526.027$ đồng. Số tiền Th thu lợi bất chính là: $6.000.000 - 526.027 = 5.473.973$ đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 17.400.000 đồng.

Lần 06: Ngày 11/01/2023 đến ngày 11/02/2023 (31 ngày), sau khi hai bên tính toán và thoả thuận cắt khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay thứ 05 và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 06 là 600.000 đồng, lần vay thứ 06 này Th chuyển cho chị V thêm 12.000.000 đồng và tính tiếp thành khoản vay mới với số tiền gốc là 30.000.000 đồng (vay đảo).

Tổng số tiền lãi mà chị V đã trả cho Th là 6.600.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 259%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 của BLDS là $259\% : 20\% = 12,95$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS là: $30.000.000 \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 509.589$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất chính là: $6.600.000 - 509.589 = 6.090.411$ đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 18.000.000 đồng.

Lần 07: Ngày 11/02/2023 đến ngày 13/3/2023 (30 ngày) sau khi hai bên tính toán và thoả thuận cắt khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay 06 và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 07 là 600.000 đồng, lần vay thứ 07 này Th chuyển cho chị V thêm 11.400.000 đồng và tính tiếp thành khoản vay mới với số tiền gốc là 30.000.000 đồng (vay đảo).

Tổng số tiền lãi mà chị V đã trả cho Th là 6.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 243,3%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 BLDS là: $243,3\% : 20\% = 12,1$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 493.151$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất chính là: $6.000.000 - 493.151 = 5.506.849$ đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 18.000.000 đồng.

Lần 08: Ngày 13/3/2023 đến ngày 11/04/2023 (29 ngày) sau khi hai bên tính toán và thoả thuận cắt khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay thứ 07 và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 08 là 600.000 đồng, lần vay thứ 08

này Th chuyển cho chị V thêm 11.400.000 đồng và tính tiếp thành khoản vay mới 30.000.000 đồng (vay đảo).

Tổng số tiền lãi mà chị V đã trả cho Th là 6.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 251,7%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 của BLDS là: $251,7\% : 20\% = 12,58$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS là: $30.000.000 \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 29 \text{ ngày} = 476.712$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất chính là $6.000.000 - 476.712 = 5.523.288$ đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 18.000.000 đồng.

Lần 09: Ngày 12/4/2023 đến ngày 12/5/2023 (30 ngày) sau khi hai bên tính toán và thoả thuận cắt khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay thứ 08 và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 09 là 600.000 đồng, lần vay thứ 09 này Th chuyển cho chị V thêm 11.400.000 đồng và tính tiếp thành khoản vay mới với số tiền gốc là 30.000.000 đồng (vay đảo).

Tổng số tiền lãi mà chị V đã trả cho Th là 6.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 243,3%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 của BLDS là: $243,3\% : 20\% = 12,1$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS là: $30.000.000 \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 493.151$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất chính là: $6.000.000 - 493.151 = 5.506.849$ đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 18.000.000 đồng.

Lần 10: Ngày 13/5/2023 đến ngày 17/6/2023 (35 ngày), sau khi hai bên tính toán và thoả thuận cắt khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay thứ 09 và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 10 là 600.000 đồng, lần vay thứ 10 này Th chuyển cho chị V thêm 11.400.000 đồng và tính tiếp thành khoản vay mới với số tiền gốc là 30.000.000 đồng (vay đảo).

Tổng số tiền lãi mà chị V đã trả cho Th là 6.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 208,6%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 BLDS là: $208,6\% : 20\% = 10,4$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS là: $30.000.000 \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 35 \text{ ngày} = 575.342$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất chính là: $6.000.000 - 575.342 = 5.424.658$ đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 15.600.000 đồng.

Lần 11: Ngày 17/6/2023 đến ngày 19/07/2023 (32 ngày), sau khi hai bên tính toán và thoả thuận cắt khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay thứ 10 và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 11 là 600.000 đồng, lần vay thứ 11 này Th chuyển cho chị V thêm 13.800.000 đồng và tính tiếp thành khoản vay mới với số tiền gốc là 30.000.000 đồng (vay đảo).

Tổng số tiền lãi mà chị V đã trả cho Th trong kỳ vay thứ 11 là 6.000.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất là 228,1%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức cao nhất được quy định tại Điều 468 là $228,1\% : 20\% = 11,4$ lần. Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS là: $30.000.000 \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 32 \text{ ngày} = 526.027$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất

chính là: 6.000.000 - 526.027 - 5.473.973 đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 17.100.000 đồng.

Lần 12: Ngày 20/7/2023 đến ngày 19/8/2023 (30 ngày) sau khi hai bên tính toán và thỏa thuận cắt khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay thứ 11 và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 12 là 600.000 đồng, lần vay thứ 12 này Th chuyển cho chị V thêm 12.300.000 đồng và tính tiếp thành khoản vay mới với số tiền gốc là 30.000.000 đồng (vay đảo).

Tổng số tiền lãi mà chị V đã trả cho Th là 6.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 243,3%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 BLDS là: $243.3\% = 12,16$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS là: $30.000.000 \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 493.151$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất chính là: $6.000.000 - 493.151 = 5.506.849$ đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 17.400.000 đồng.

Lần 13: Ngày 20/8/2023 đến ngày 21/9/2023 (32 ngày) sau khi hai bên tính toán và thỏa thuận cắt khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay thứ 12 và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 13 là 600.000 đồng, lần vay thứ 13 này Th chuyển cho chị V thêm 12.000.000 đồng và tính tiếp thành khoản vay mới với số tiền gốc là 30.000.000 đồng (vay đảo).

Tổng số tiền lãi mà chị V đã trả cho Th là 6.200.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 235,7%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 của BLDS là: $235,7\% : 20\% = 11,8$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 32 \text{ ngày} = 526.027$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất chính là: $6.200.000 - 526.027 = 5.673.973$ đồng. Chị V còn nợ tiền gốc là 18.600.000 đồng.

Lần 14: Ngày 22/9/2022 sau khi hai bên tính toán và thỏa thuận cắt các khoản nợ gốc còn nợ lại ở lần vay thứ 13 và tiền phải thanh toán cho ngày đầu tiên của kỳ vay thứ 14 là 600.000 đồng, lần vay thứ 14 này Th chuyển cho chị V thêm 10.800.000 đồng và tính tiếp thành khoản vay mới với số tiền gốc là 30.000.000 đồng (vay đảo).

Số tiền chị V đã trả được 2.100.000 đồng tiền lãi cho 21 ngày sau khi vay, tương ứng mức lãi suất 121,7%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 của BLDS là: $121,7\% : 20\% = 6,1$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày} = 345.205$ đồng. Số tiền Th đã thu lợi bất chính là: $2.100.000 - 345.205 = 1.754.795$ đồng.

Trong lần vay thứ 14, Th đã cắt 600.000 đồng tiền gốc và lãi của ngày 22/9/2023. do không để ý nên Th không báo lại cho chị V, vì vậy ngày 22/9/2023 chị V tiếp tục chuyển 600.000 đồng cho Th. Do đó số tiền lãi Th thu được trong lần thứ 14 cụ thể như sau: $2.700.000 - 345.205 = 2.354.795$ đồng.

Đến ngày 30/10/2023 được 38 ngày kể từ ngày 22/9/2023, Th yêu cầu chị V phải trả thêm cho mình 3.900.000 đồng tiền lãi, tức yêu cầu trả 3.900.000 tiền lãi cho $38 - 21 = 17$ ngày còn lại của khoản vay lần thứ 14, tương ứng mức lãi suất

279,1%/năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 của BLDS là: $279,1\% = 14$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS năm 2015 là: $30.000.000 \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 17 \text{ ngày} = 279.452$ đồng. Số tiền Th nhằm mục đích thu lợi bất chính là: $3.900.000 - 279.452 = 3.620.548$ đồng, bị cáo chưa thu được của người vay.

Hiện tại chị V còn nợ Th 21.000.000 đồng tiền gốc.

Các lần Th cho chị V vay tiền kế tiếp nhau, do lần vay thứ 01 kết thúc vào ngày 08/9/2022, lần vay thứ 02 kết thúc vào ngày 10/10/2022 tính đến ngày hành vi của Th bị phát giác ngày 25/10/2023 thì lần vay thứ 01 và lần vay thứ 02 đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính.

Như vậy Nguyễn Thị Th thông qua 12 lần cho chị Bùi Hồng V vay tổng số tiền: 158.700.000 đồng.

- Tổng số tiền lãi Nguyễn Thị Th đã thu được là: 70.700.000 đồng.

- + Số tiền lãi Nguyễn Thị Th đã thu được cao hơn quy định của pháp luật là: 64.749.315 đồng.

- + Số tiền lãi Nguyễn Thị Th đã thu được mức lãi dưới 20% là: 5.950.685 đồng.

- Phương pháp tính lãi được quy định tại khoản 1, Điều 5 thông tư số: 14/2017/TT - NHNN ngày 29/9/2017 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Công văn số 71/TTGSNN ngày 28/11/2022 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc “Hướng dẫn xác định tiền lãi và số tiền thu lợi bất chính trong hoạt động tín dụng đen” và Công văn số 62/TTGSNNH ngày 21/11/2023 của Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Hòa Bình, kèm theo bảng tính lãi suất vay của người vay.

Mức lãi suất bị cáo cho vay 30.000.000 đồng thời hạn vay 21 ngày, lãi suất 2.700.000 đồng và thời hạn vay 35 ngày, lãi suất 6.600.000 đồng (*Tương đương 121,7%/năm - 267,7%/năm*), vượt quá lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự từ 6,1 lần - 13,4 lần.

Cáo trạng số: 07/CT - VKS ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị Th về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Th, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- + Xử phạt tiền: Nguyễn Thị Th 80.000.000 (*Tám mươi triệu*) đồng.

- Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 và Điều 48 BLHS.

Đề nghị HĐXX tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền gốc bị cáo đã cho vay và số tiền lãi dưới 20%/1năm. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền

lãi thu lời bất chính và số tiền lãi vượt 20% của lần vay thứ 01 và lần vay thứ 02 cho chị V. Buộc chị Bùi Hồng V nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc vay của bị cáo chưa trả.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Th đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, phạt tiền bị cáo mức thấp nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, trong hồ sơ đề nghị buộc bị cáo trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật và đơn xin vắng mặt giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, Quyết định Tố tụng*: Cơ quan điều tra huyện Kim Bôi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng trình tự thủ tục, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về hành vi của bị cáo*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Th đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Xét lời khai của bị cáo, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. HĐXX xét thấy: Từ ngày 08/8/2022 đến ngày 22/9/2023 bị cáo đã 14 lần cho chị Bùi Hồng V vay tiền với mức lãi suất vượt quá quy định của pháp luật, với số tiền gốc 30.000.000 đồng đáo hạn 14 lần, thời hạn vay từ 21 ngày đến 35 ngày, lãi suất từ 2.700.000 đồng đến 6.600.000 đồng (*Tương đương 121,7%/năm - 267,7%/năm*), vượt quá lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự từ 6,1 lần - 13,4 lần. Các lần vay thứ 01 ngày 08/8/2022 hạn vay đến ngày 09/8/2022 và lần vay thứ 02 ngày 09/9/2022 hạn vay đến ngày 10/10/2022 tính đến ngày 25/10/2023 hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo bị phát giác thì lần cho vay thứ 01 và lần cho vay thứ 02 đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính, nên không xem xét trách nhiệm hình sự của 02 lần cho vay này. Số tiền bị cáo thu lời bất chính qua 12 lần cho vay là: 64.749.315 đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Th thông qua giao dịch dân sự cho chị Bùi Hồng V vay lãi suất gấp 6,1 đến 13,4 lần quy định tại Điều 468 của BLDS, đã phạm vào tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo:*

- Bị cáo Nguyễn Thị Th là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng chị V cần tiền trong làm ăn, kinh doanh, bị cáo đã cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính. Hành vi vi phạm pháp luật hình sự của bị cáo, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xâm phạm đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ, nên phải xử lý nghiêm khắc hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo, để răn đe và phòng ngừa tội phạm.

- Nhân thân: Bản án số 37/HS - ST ngày 17/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và Bản án số 595/HS - ST ngày 16/12/2010 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong 02 bản án được xóa án tích. Tuy nhiên đây tình tiết cần đánh giá khi lượng hình.

- Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, quyền lợi ích hợp pháp của công dân trong giao dịch dân sự. Mục đích của bị cáo chỉ nhằm thu lợi bất chính, không thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ô nhóm. Căn cứ hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2021/NQ - HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xét bị cáo có đủ điều kiện áp dụng. Do vậy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của BLHS cũng đủ để, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và đảm bảo tính răn đe phòng ngừa tội phạm. Như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp.

[4] *Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Bùi Hồng V vay tiền của bị cáo Nguyễn Thị Th với mức lãi suất trái quy định của pháp luật, chị đề nghị buộc bị cáo trả lại số tiền lãi trái pháp luật chị đã trả cho bị cáo. Xét thấy đây là yêu cầu có căn cứ nên HĐXX chấp nhận, nên buộc bị cáo phải trả lại cho chị.

[5] *Các biện pháp tư pháp:*

- Tổng số tiền chị Bùi Hồng V vay của bị cáo Nguyễn Thị Th đã trả tiền gốc, lãi và chưa trả tiền gốc cụ thể:

+ Đối với nợ gốc, chị Bùi Hồng V đã trả cho bị cáo Nguyễn Thị Th 137.700.000 đây là tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền 5.950.865 đồng là tiền lãi bị cáo đã thu được tương ứng với 20%/năm theo quy định tại Điều 468 của BLDS, tuy không xác định trách nhiệm hình sự, nhưng là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội mà có, nên tịch thu của bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền bị cáo đã thu của chị Bùi Hồng V vượt quá 20%/năm theo quy định tại Điều 468 của BLDS là: 64.749.315 đồng. Đây là khoản tiền bị cáo thu lời bất chính của người vay đã thu được, cần buộc bị cáo phải trả lại số tiền trên cho chị V.

+ Đối với tiền nợ gốc mà chị V vay chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thị Th là: 21.000.000 đồng. Đây là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội tịch thu của bị cáo, nên buộc chị Bùi Hồng V phải nộp lại để sung ngân sách nhà nước.

+ Đối với tiền lãi 3.900.000 đồng bị cáo chưa thu được của chị Bùi Hồng V nên không xem xét.

+ Đối với lần vay thứ 01 ngày 08/8/2022 hạn đến ngày 08/9/2022 và lần vay thứ 02 ngày 09/9/2022 hạn vay đến ngày 10/10/2022 tính đến ngày hành vi của bị cáo Th bị phát giác 25/10/2023, thì lần vay thứ 01 và lần vay thứ 02 đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính. Số tiền gốc và lãi dưới 20%, tiền lãi vượt quá 20% được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tuy không xem xét trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo, nhưng số tiền lãi vượt quá 20% bị cáo đã thu của người vay là giao dịch trái pháp luật, cần buộc bị cáo Nguyễn Thị Th trả lại số tiền cho chị Bùi Hồng V là: 11.580.822 đồng. Theo quy định tại các Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

[6] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Th** phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt tiền: Nguyễn Thị Thủy 80.000.000 (*Tám mươi triệu*) đồng.

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 và Điều 48 của BLHS.

- Truy thu của Nguyễn Thị Th số tiền gốc 137.700.000 đồng và số tiền lãi 5.950.685 đồng. Tổng là 143.650.685 (*Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm*) đồng, để sung ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải trả lại số tiền thu lời bất chính 64.749.315 đồng và tiền lãi trái pháp luật 11.580.822 đồng cho chị Bùi Hồng V. Tổng số tiền là: 76.330.137 (*Bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy*) đồng.

- Buộc chị Bùi Hồng V phải nộp vào ngân sách nhà nước: 21.000.000 (*Hai mươi một triệu*) đồng (Tiền gốc đã vay nhưng chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Thị Th).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Công an huyện Kim Bôi;
- Sở TP tỉnh HB, thành phố HN;
- Thi hành án HS;
- Thi hành án DS huyện Kim Bôi;
- Bị cáo; Người tham gia TT khác;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Quang Dự